

Số: *2753*/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *05* tháng *11* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2054/TTr-STP ngày 31/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 01 thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch (tại Phần I TTHC dùng chung) được ban hành tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên; 27 thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch (01 TTHC tại Phần I TTHC thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch (TTHC dùng chung), 14 TTHC tại Phần II TTHC cấp huyện, 12 TTHC tại Phần III TTHC cấp xã) được ban hành tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC

Linhnd.11.2023

(Handwritten mark)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

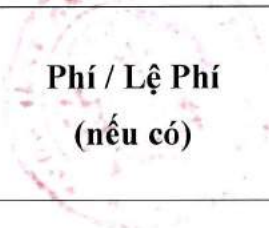


Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỘ TỊCH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số ~~444~~ /QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH (TTHC DÙNG CHUNG)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. + Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện;	Phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.		<p>tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ chế pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	<p>+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện;</p> <p>+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả</p>	Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục hộ tịch	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.		<p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 	

PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến.) - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
2	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 1.200.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến)	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
3	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50%	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>		<p>mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
4	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết	- Lệ phí: 1.200.000 đồng /hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	yếu tố nước ngoài		TTHC của UBND cấp huyện	<p>cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
5	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ; 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;</p> <p>Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
6	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
				giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
7	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài,	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>		<p>xác định lại dân tộc: 28.000 đồng/ hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
8	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết	- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình)	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
	Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		TTTC của UBND cấp huyện	<p>có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
9	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến). - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
10	<p>Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha,</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện</p>	<p>- Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)			lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ- 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
11	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí:70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
12	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ- 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTCH
					<p>HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
13	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	- Lệ phí: 1.200.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTCH
					<p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
14	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết	- Lệ phí:70.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		hạn không quá 10 ngày làm việc.	TTHC của UBND cấp huyện	<p>người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

PHẦN III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH					
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến). - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
2	Thủ tục đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã</p>	<p>- Miễn lệ phí</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>	
3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí: 15.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>định khi thực hiện trực tuyến.</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
4	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTTC của UBND cấp xã	- Lệ phí: Đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
5	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Miễn lệ phí đăng ký. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
6	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 	
7	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 15.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
		<p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>		<p>(Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)</p>	<p>phù quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
8	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí: 10.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
9	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 7.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<p>trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp,</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
10	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	<p>- Lệ phí: 7.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				14/11/2016 của Bộ Tài chính)	<p>liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>	
11	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí: 25.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; 	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	
12	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã	- Lệ phí: 7.000 đồng/hồ sơ (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Giảm 50% mức thu lệ phí theo quy định khi thực hiện trực tuyến). - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000đ/bản (Quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi,</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên bãi bỏ một phần Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 2153 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 23/2/2023 và Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC
PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH (TTHC DÙNG CHUNG)		
1	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 23/2/2023
PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
3	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023

4	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
5	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
6	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
7	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
8	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
9	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
10	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
11	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
12	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
13	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
14	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
PHẦN III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		

1	Thủ tục Đăng ký khai sinh	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2	Thủ tục Đăng ký kết hôn	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
3	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
4	Thủ tục Đăng ký khai tử	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
5	Thủ tục Đăng ký giám hộ	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
6	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
7	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
8	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
9	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
10	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
11	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
12	Thủ tục Đăng ký lại khai tử	Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 27/4/2023